

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 173/TTr-TNMT ngày 10/4/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Bao bì E-Pac Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Nhà xưởng CN-06-39, lô CN-06, khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là phường Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Dự án gia công các sản phẩm bao bì cao cấp E-Pac Việt Nam” tại Lô CN-06-39, KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Dự án gia công các sản phẩm bao bì cao cấp E-Pac Việt Nam.

1.2. Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Bao bì E-Pac Việt Nam.

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô CN-06-39, KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp: 2400834885 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 27/03/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 04/5/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9935863131 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận lần đầu ngày 22/3/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ năm ngày 12/12/2023.

1.5. Mã số thuế: 2400834885

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công các sản phẩm bao bì cao cấp; sản xuất cốc, chén, đĩa, khay bằng giấy; in sách hướng dẫn; sản xuất, gia công túi vải không dệt; thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô CN-06-39, KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với diện tích sử dụng đất 12.674,77 m<sup>2</sup>.

- Quy mô, công suất:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Sản xuất, gia công các sản phẩm bao bì cao cấp với công suất 54 triệu sản phẩm/năm, tương đương 6.800 tấn sản phẩm/năm, trong đó:

++ Hộp bìa carton: 14.000.000 sản phẩm/năm;

++ Hộp giấy màu: 15.000.000 chiếc/năm;

++ Vách ngăn màu trong của hộp bao bì sản phẩm: 25.000.000 chiếc/năm.

+ Sản xuất cốc, chén, đĩa, khay bằng giấy: 2.000.000 sản phẩm/năm, tương đương 100 tấn sản phẩm/năm.

+ In sách hướng dẫn: 27.000.000 sản phẩm/năm, tương đương 100 tấn sản phẩm/năm.

+ Sản xuất, gia công túi vải không dệt: 9.600.000 sản phẩm/năm, tương đương 100 tấn sản phẩm/năm.

+ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa có mã HS: 3920; 3921; 3923; 4415; 4819; 4821; 4823; 4911.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Bao bì E-Pac Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường.

1. Công ty TNHH Bao bì E-Pac Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Bao bì E-Pac Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 32/GXN-UBND ngày 16/10/2018 của UBND huyện Việt Yên (nay là thị xã Việt Yên) về việc xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường dự án “Dự án gia công các sản phẩm bao bì cao cấp E-Pac Việt Nam” tại lô CN-06-39, KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang do Công ty TNHH Bao bì E-Pac Việt Nam làm chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Dự án gia công các sản phẩm bao bì cao cấp E-Pac Việt Nam” tại lô CN-06-39, KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Bao bì E-Pac Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1265/QĐ-TNMT ngày 07/12/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Bao bì E-Pac Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang; UBND thị xã Việt Yên; Công ty TNHH FuGiang; Công ty TNHH Bao bì E-Pac Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH Bao bì E-Pac Việt Nam (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Công thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN.<sup>Việt Anh</sup>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Ô Pích**

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm và nước thải sản xuất phát sinh ở công đoạn rửa máy in khi thay đổi mẫu mực in (Cửa công đoạn in flexo) của dự án được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, sau đó được đầu nối với hệ thống thu gom nước thải và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Vân Trung, thị xã Việt Yên do Công ty TNHH Fugiang (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (Theo Biên bản thỏa thuận điểm đầu nối công trình nước thải ngày 28/12/2023 giữa Công ty TNHH Fugiang và Công ty TNHH Bao bì E-Pac Việt Nam), sau đó xả ra môi trường; dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh của dự án được thu gom bằng ống nhựa PVC D110 về 02 bể tự hoại 3 ngăn tổng dung tích 36 m<sup>3</sup> (dung tích 18 m<sup>3</sup>/bể) để xử lý sơ bộ, sau đó được dẫn qua đường ống PVC D200 với tổng chiều dài 83m về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất phát sinh ở công đoạn rửa máy in khi thay đổi mẫu mực in (Cửa công đoạn in flexo) được thu gom theo đường ống PVC D200 với tổng chiều dài khoảng 25 m vào hệ thống xử lý nước thải công suất 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt sau xử lý được đầu nối với hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Vân Trung tại 01 điểm (Theo Biên bản thỏa thuận điểm đầu nối công trình nước thải ngày 28/12/2023 giữa Công ty TNHH Fugiang và Công ty TNHH Bao bì E-Pac Việt Nam).

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

\* Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua Bể tự hoại → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng (nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B) → Hệ thống thu gom nước thải của KCN Vân Trung.

- Công suất thiết kế của hệ thống: 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Metanol 2 lít /ngày.

\* Hệ thống xử lý nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sản xuất → Bể điều hoà → Bể phản ứng keo tụ → Bể phản ứng khử màu → Bể phản ứng đông keo tụ → Bể lắng hoá lý → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể chứa nước trung gian → Cột lọc (nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B) → Hệ thống thu gom nước thải của KCN Vân Trung.

- Công suất thiết kế của hệ thống: 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC: 10 kg/ngày; NaOH: 2 kg/ngày; PAA: 0,2 kg/ngày; CMX-01: 0,1 kg/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Vận hành các hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Hàng ngày tiến hành kiểm tra, kiểm soát định kỳ các hệ thống.

- Lắp đặt các bơm nước thải hoạt động luân phiên, trong trường hợp hỏng bơm thì hệ thống vẫn hoạt động bình thường không bị gián đoạn.

- Trang bị đầy đủ trang thiết bị, bảo hộ lao động cho công nhân vận hành.

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất, không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành các hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

#### 1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Trường hợp hệ thống thu gom, thoát nước thải bị tắc, Chủ dự án sẽ tiến hành cho khơi thông các vị trí bị tắc đảm bảo không gây tràn nước thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường.

- Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt công suất các hệ thống xử lý hay sự cố kỹ thuật khác: Phải dừng hoạt động các hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục. Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của các hệ thống và phải dừng hoạt động của các hệ thống khắc phục sự cố.

- Sự cố nước thải xử lý không đạt quy chuẩn: Nước thải qua các hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh và đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý, có giải pháp đảm bảo không để nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn xả thải ra ngoài.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1 Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 15/7/2024 đến ngày 31/12/2024.

### 2.2 Công trình thiết bị vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

#### 2.2.1 Vị trí lấy mẫu

Trước và sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm và hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

#### 2.2.2 Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn theo QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)
<b>I</b>	<b>Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt</b>		
1	pH	-	5,5 - 9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	50
3	COD	mg/l	150
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100

5	Sunfua	mg/l	0,5
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6
9	Tổng nitơ	mg/l	40
10	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	5000
<b>II Hệ thống xử lý nước thải sản xuất</b>			
1	Màu	Pt/Co	150
2	pH	-	5,5 - 9
3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	50
4	COD	mg/l	150
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
6	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
7	Tổng nitơ	mg/l	40
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6

### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
<b>I Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt</b>				
1	- 01 vị trí tại bể điều hoà của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.	- Lấy mẫu đơn 01 lần. Dự kiến lấy mẫu vào ngày: 12/8/2024	pH, BOD <sub>5</sub> , COD, chất rắn lơ lửng, sunfua, amoni, tổng dầu mỡ khoáng, tổng phốt pho, tổng nitơ, Coliform	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
2	- 01 vị trí tại bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của trước khi thoát vào hệ thống thu gom nước thải tập trung	- Dự kiến lấy mẫu đơn 1 ngày/lần trong 3 ngày liên tiếp. Thời gian cụ thể như sau: + Lần 1: Ngày 12/8/2024 + Lần 2: Ngày 13/8/2024 + Lần 3: Ngày 14/8/2024		



TT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
	của KCN Vân Trung.			
<b>II Hệ thống xử lý nước thải sản xuất</b>				
1	- 01 vị trí tại bể điều hoà của hệ thống xử lý nước thải sản xuất.	- Lấy mẫu đơn 1 lần. Dự kiến lấy mẫu vào ngày: 12/8/2024		
2	- 01 vị trí tại ống xả nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải sản xuất trước khi thoát vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Vân Trung.	- Dự kiến lấy mẫu đơn 1 ngày/lần trong 3 ngày liên tục. Thời gian cụ thể như sau: + Lần 1: Ngày 12/8/2024 + Lần 2: Ngày 13/8/2024 + Lần 3: Ngày 14/8/2024	Màu, pH, BOD <sub>5</sub> , COD, chất rắn lơ lửng, tổng dầu mỡ khoáng, tổng phốt pho, tổng nitơ.	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành các hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:** 01 nguồn khí thải phát sinh ở dây chuyền in offset.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:** 01 dòng khí thải sau 01 hệ thống xử lý trước khi xả ra môi trường.

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 vị trí tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải trước khi thải ra ngoài môi trường.

Toạ độ vị trí xả khí thải: X = 2350213; Y = 410642 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục  $107^0$ , múi chiếu  $3^0$ ).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 30.000 m<sup>3</sup>/giờ tương đương 480.000 m<sup>3</sup>/ngày (1 ngày làm việc 16 giờ).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc (thời gian làm việc 16 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT, cột B; QCVN 20:2009/BTNMT cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, K <sub>v</sub> = 0,8, K <sub>p</sub> = 0,9)	QCVN 20:2009/BTNMT	
1.	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	-	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ theo quy định tại Khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2.	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	144	-	
3.	Toluen (C <sub>6</sub> H <sub>5</sub> CH <sub>3</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	-	750	
4.	n-Hexan (C <sub>6</sub> H <sub>14</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	-	450	
5.	Cyclohexan (C <sub>6</sub> H <sub>12</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	-	1300	

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất ở công đoạn in offset: Được thu gom theo các đường ống dẫn phụ (Kích thước 600 x 300 mm với tổng chiều dài 30 m; Kích thước 500 x 500 mm với tổng chiều dài 8 m), sau đó dẫn vào đường ống dẫn chính kích thước 800 x 400 mm với tổng chiều dài 63 m qua quạt hút vào tháp hấp phụ bằng than hoạt tính.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý bụi, khí thải: Khí thải→Hệ thống ống dẫn→Quạt hút→Tháp hấp phụ→Ống thoát khí→Môi trường (khí thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế: 30.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng của hệ thống xử lý khí thải: Than hoạt tính: 1300 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố môi trường

- Luôn dự trữ trong kho của dự án đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời. Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động nguồn phát sinh khí thải và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện, phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 06 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố môi trường

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại dự án, đồng thời dừng hoạt động, liên hệ đơn vị thi công lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng

chuyên môn để khắc phục và đồng thời báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trường hợp khí thải vượt quy chuẩn đầu ra cho phép, tạm dừng hoạt động để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 15/7/2024 đến ngày 31/12/2024.

2.2. Công trình, thiết bị vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải công suất 30.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1 Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải trước khi thải ra ngoài môi trường.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải	Bụi tổng, Toluene, n-Hexan, Cyclohexan	- Dự kiến lấy mẫu đơn 1 ngày/lần trong 3 ngày liên tiếp. Cụ thể như sau: + Lần 1: Ngày 12/8/2024 + Lần 2: Ngày 13/8/2024 + Lần 3: Ngày 14/8/2024	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, Kv= 0,8; Kp = 0,9) QCVN 20:2009/BTNMT T

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 03 nguồn**

- Nguồn số 01: Phát sinh tại khu vực in flexo.
- Nguồn số 02: Phát sinh tại khu vực cắt.
- Nguồn số 03: Phát sinh tại khu vực in offset.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 107<sup>0</sup>, múi chiếu 3<sup>0</sup>):**

- Vị trí số 01: Khu vực in flexo, tọa độ: X = 2350203; Y = 410556
- Vị trí số 02: Khu vực cắt, tọa độ: X = 2350196; Y = 410563
- Vị trí số 03: Khu vực in offset, tọa độ: X = 2350185; Y = 410567

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Trong quá trình sản xuất, Chủ dự án không sử dụng các thiết bị cũ, lạc hậu gây tiếng ồn cao nhằm giảm thiểu sự lan truyền của tiếng ồn.
- Thường xuyên thực hiện chế độ bảo dưỡng máy móc thiết bị, lau dầu mỡ để giảm tiếng ồn khi vận hành.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất: Quần áo, khẩu trang, bông bịt tai...

- Không cho xe nổ máy, không bấm còi khi không cần thiết.

- Bổ sung dải cây xanh, vừa tăng cường cảnh quan cho dự án vừa giúp giảm phát tán tiếng ồn ra môi trường xung quanh, đồng thời, giúp cải thiện môi trường không khí thêm trong lành.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (Kg/năm)
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải sản xuất	28.500
2	Găng lau nhiễm hoặc chứa các thành phần nguy hại	1.550
3	Keo thải	1.100
4	Mực in thải	445
5	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	80
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	5
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại	55
8	Bao bì cứng thải bằng nhựa	70
9	Pin ắc quy thải	7
10	Than hoạt tính của hệ thống xử lý khí thải và vật liệu ở cột lọc của hệ thống xử lý nước thải sản xuất thải bỏ	1.390
11	Nước thải phát sinh trong quá trình thay thế, rửa mực ở máy in offset chứa các thành phần nguy hại	5.000
<b>Tổng</b>		<b>38.202</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (Kg/năm)
1.	Giấy phế liệu các loại	1.559.000
2.	Pallet gỗ, nhựa hỏng	3.500
3.	Các loại chất thải khác: Bao bì nilong, băng dính, dây buộc...	4.800
<b>Tổng</b>		<b>1.567.300</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh 83 kg/ngày, thành phần chủ yếu là bao bì, thức ăn thừa, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh,...

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Trang bị 10 thùng chứa dung tích từ 50 lít/thùng đến 150 lít/thùng, dán mã số, dấu hiệu cảnh báo tương ứng với từng loại bên ngoài thùng.

- Bố trí 01 sân phơi bùn với dung tích 5 m<sup>3</sup> để lưu bùn thải từ quá trình xử lý nước thải sản xuất.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 10,2m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kết cấu nền, tường và mái bằng thép, có cửa ra vào, dán biển báo.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định (*Tần suất 1 - 2 tháng/lần hoặc thay đổi tùy vào tình hình hoạt động thực tế của dự án*).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 24 thùng chứa với dung tích 60 lít/thùng đến 150 lít/thùng được đặt tại các khu vực sản xuất và kho chứa để thu gom các loại chất thải.

2.2.2. Kho /khu vực lưu chứa

- Diện tích khu lưu giữ với diện tích 144 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu giữ: Kết cấu mái lợp tôn, nền đổ bê tông.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định (*Tần suất vận chuyển 3 tháng/lần hoặc thay đổi tùy vào tình hình hoạt động thực tế của dự án*).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 13 thùng đựng rác dung tích từ 40 - 120 lit/thùng tại các khu vực nhà ăn, văn phòng và các khu vực khác trong dự án để thu gom chất thải.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: 9m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Kết cấu nền, tường và mái bằng thép, có cửa ra vào, dán biển báo.



- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định (tuần suất 1 - 2 ngày/lần).

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải, hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với các hệ thống xử lý khí thải, hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố kịp thời; chỉ được tiếp tục hoạt động dự án khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

**Phụ lục 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

---

**Công ty TNHH Bao bì E-Pac Việt Nam có trách nhiệm:**

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Thực hiện thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất phát sinh tại dự án để đưa về hệ thống xử lý nước thải của dự án đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp Vân Trung; đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải của dự án để thu gom, xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B; QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 173/TTr-TNMT ngày 10/4/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án.